

Số: **196** /TCT-QHCD  
V/v: Công bố thông tin định kỳ  
trên công thông tin điện tử của  
UBCKNN.

Hà Nội, ngày **27** tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Đào Việt Tiến

Địa chỉ: Nhà 14B, ngõ 6, Phường Vạn Phúc, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại: 043.8350033

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

*(Có chi tiết kèm theo)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:** *D*

- Như trên;
- HĐQT TCT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Ciencol;
- Lưu: QHCD, VP.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đào Việt Tiến**

**TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 34



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch
Ông Đinh Ngọc Đán	Phó Chủ tịch (từ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2020)
Ông Ngô Bá Toàn	Thành viên (từ nhiệm ngày 19 tháng 2 năm 2020)
Ông Nguyễn Huy Khôi	Thành viên (từ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2020)
Ông Đào Việt Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Thắng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thanh	Thành viên (từ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2018)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đào Việt Tiến	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc ngày 28 tháng 10 năm 2019, bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 05 tháng 11 năm 2019)
Ông Ngô Bá Toàn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2019)
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Đán	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Võ Thành Công	Trưởng ban
Ông Đặng Mạnh Thuyền	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Quang	Thành viên (từ nhiệm ngày 21 tháng 03 năm 2019)

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Ngọc Hòa - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Đào Việt Tiến - Tổng Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đào Việt Tiên**  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 04 năm 2020



Số: 041402/2020/BCKT-iCPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 14 tháng 04 năm 2020, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của các Công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được số liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính các Công ty liên kết của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### **Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề khác

Tổng Công ty chưa thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UpCOM theo quy định tại Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 5 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



---

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2019-072-01  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế**  
Hà Nội, Ngày 14 tháng 04 năm 2020

A blue ink signature of Nguyễn Huy Hùng.

---

**Nguyễn Huy Hùng**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2018-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.641.369.197.153</b>	<b>2.879.488.086.108</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>125.229.315.068</b>	<b>262.178.409.048</b>
1. Tiền	111		78.329.315.068	189.184.452.552
2. Các khoản tương đương tiền	112		46.900.000.000	72.993.956.496
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.620.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	2.620.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.920.142.099.741</b>	<b>2.002.158.149.861</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.012.560.486.643	1.145.909.756.637
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	267.435.178.397	306.464.319.992
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		258.000.000.000	258.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	401.942.559.571	324.706.444.715
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19.796.124.870)	(32.922.371.483)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>566.954.493.197</b>	<b>600.934.940.574</b>
1. Hàng tồn kho	141		566.954.493.197	601.733.703.313
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(798.762.739)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.043.289.147</b>	<b>11.596.586.625</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	2.483.494.264	3.776.316.371
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.484.185.971	1.476.855.066
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	2.075.608.912	6.343.415.188
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>506.629.406.614</b>	<b>490.859.681.638</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.988.164.531</b>	<b>28.623.384.033</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	30.988.164.531	28.623.384.033
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>70.032.597.813</b>	<b>79.543.440.888</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	61.792.062.770	72.260.628.072
- Nguyên giá	222		341.093.846.559	360.926.566.721
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(279.301.783.789)	(288.665.938.649)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8.240.535.043	7.282.812.816
- Nguyên giá	228		9.980.028.462	8.560.060.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.739.493.419)	(1.277.247.946)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>243.316.874</b>	<b>243.316.874</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.316.874	243.316.874
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8</b>	<b>380.332.408.946</b>	<b>347.988.935.931</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		38.756.543.000	76.413.069.985
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		341.575.865.946	271.575.865.946
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.032.918.450</b>	<b>34.460.603.912</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	22.918.430.045	32.346.115.507
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.114.488.405	2.114.488.405
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.147.998.603.767</b>	<b>3.370.347.767.746</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.367.690.245.252</b>	<b>2.625.466.734.554</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.363.016.462.150</b>	<b>2.553.896.120.772</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.421.068.177.029	1.422.021.932.721
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	305.044.635.637	561.568.908.284
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	170.875.654.874	165.567.048.652
4. Phải trả người lao động	314		22.590.900.565	28.366.000.793
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		52.046.611.606	47.670.358.628
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		595.980.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	165.095.725.703	128.255.211.336
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	224.922.997.177	198.241.188.046
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		775.779.559	2.205.472.312
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.673.783.102</b>	<b>71.570.613.782</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	2.974.699.706	3.038.353.582
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	959.514.045	67.792.690.849
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		739.569.351	739.569.351
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>780.308.358.515</b>	<b>744.881.033.192</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>780.308.358.515</b>	<b>744.881.033.192</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.519.210	100.519.210
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.191.502.288	21.928.887.793
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.104.452.804	16.051.782.553
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		37.750.443.288	12.633.276.240
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.354.009.516	3.418.506.313
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.911.884.215	6.799.843.636
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.147.998.603.767</b>	<b>3.370.347.767.746</b>

Nguyễn Thị Bích Hạnh  
Người lập biểu

Trần Huy Phương  
Kế toán trưởng



Đào Việt Tiên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	543.606.788.514	1.336.642.279.559
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	543.606.788.514	1.336.642.279.559
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	522.858.164.668	1.247.059.794.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.748.623.846	89.582.484.846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	48.421.783.298	48.172.675.448
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.568.878.192	13.085.335.350
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.450.139.272	12.683.445.287
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		8.750.890.541	(47.637.876.420)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	44.885.010.930	86.533.106.316
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.467.408.563	(9.501.157.792)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	22.009.173.360	49.777.420.839
13. Chi phí khác	32	VI.7	18.646.137.230	24.233.768.145
14. Lợi nhuận khác	40		3.363.036.130	25.543.652.694
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.830.444.693	16.042.494.902
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	7.364.394.598	12.572.067.923
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.466.050.095	3.470.426.979
- Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty	61		13.354.009.516	3.418.506.313
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(887.959.421)	51.920.666
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	182	49
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		182	49

  
Nguyễn Thị Bích Hạnh  
Người lập biểu

  
Trần Huy Phương  
Kế toán trưởng

  
  
Đào Việt Tiên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 04 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	19.830.444.693	16.042.494.902
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.777.549.708	16.407.936.195
Các khoản dự phòng	03	(13.925.009.352)	(8.652.236.552)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.164.165)	(109.959.455)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(47.652.945.502)	(47.725.136.912)
Chi phí lãi vay	06	15.450.139.272	12.683.445.287
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(17.520.985.346)	(11.353.456.535)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	127.157.145.985	94.878.148.861
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	34.779.210.116	188.645.907.277
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(226.960.692.504)	(284.245.733.587)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	10.720.507.569	20.222.272.384
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.154.104.911)	(12.683.445.287)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.035.024.322)	(4.411.011.228)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	31.149.713.678
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.690.000.000)	(2.330.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(85.703.943.413)</b>	<b>19.871.895.563</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(5.686.893.900)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.801.000.000	2.350.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(17.380.000.000)	(390.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	250.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(90.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.484.052.941	2.846.307.175
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(11.094.947.059)</b>	<b>(720.586.725)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	149.060.963.779	322.436.941.287
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(189.212.331.452)	(369.607.500.550)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(114.641.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(40.151.367.673)</b>	<b>(47.285.200.513)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(136.950.258.145)</b>	<b>(28.133.891.675)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	262.178.409.048	290.202.341.268
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.164.165	109.959.455
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>125.229.315.068</b>	<b>262.178.409.048</b>

  
 Nguyễn Thị Bích Hạnh  
 Người lập biểu

  
 Trần Huy Phương  
 Kế toán trưởng

  
  
 Đào Việt Tiên  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 04 năm 2020



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước, hoàn thành cổ phần hóa chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 11 năm 2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 11 năm 2019, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 470 người (31 tháng 12 năm 2018 là 998 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình;
- Kiểm tra và Phân tích kỹ thuật. Chi tiết: "Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, Kiểm định chất lượng công trình; Thí nghiệm và kiểm định vật liệu xây dựng; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu";
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Khảo sát thiết kế lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, tư vấn kỹ thuật các công trình giao thông và dân dụng; Tư vấn giám sát, thẩm tra thí nghiệm các công trình giao thông và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước; Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước. Thiết kế điện chiếu sáng đô thị, mạng điện xí nghiệp; và
- Tư vấn quản lý dự án, quản lý đầu tư xây dựng công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng Công trình; Tư vấn đấu thầu.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các Đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị phụ thuộc
1	Văn phòng Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP
2	Công ty thi công cơ giới 1
3	Công ty Xây dựng 123
4	Xí nghiệp Xây dựng Công trình Cienco 1
5	Xí nghiệp Cầu 17
6	Xí nghiệp Cầu 18
7	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
I	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	50,80%	50,80%	Xây dựng dân dụng
II	<b>Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	56,93%	56,93%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	48,00%	48,00%	Xây dựng đường bộ
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128- Cienco 1	48,00%	48,00%	Xây dựng đường bộ
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	45,00%	45,00%	Xây dựng công trình giao thông
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	33,57%	33,57%	Xây dựng dân dụng
6	Công ty Cổ phần SXVL Xây dựng Công trình 1	32,96%	32,96%	Sản xuất Vật liệu Xây dựng
7	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	26,00%	26,00%	Thu phí cầu Cổ Chiên
8	Công ty Cổ phần SXVL Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	25,40%	25,40%	Sản xuất Vật liệu Xây dựng
9	Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	21,05%	21,05%	Sản xuất Vật liệu Xây dựng
10	Công ty Cổ phần BOT cầu Việt Trì	22,81%	20,00%	Thu phí cầu Việt Trì

Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Công trình 1 là 56,93%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư này trên khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình xây dựng công trình giao thông 1 và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 121 do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/(lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Tổng Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dư thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào Công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Phần mềm máy tính: Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian trên 01 năm và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được công vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.816.306.781	14.368.964.691
Tiền gửi ngân hàng	74.513.008.287	174.815.487.861
Các khoản tương đương tiền	46.900.000.000	72.993.956.496
<b>Cộng</b>	<b>125.229.315.068</b>	<b>262.178.409.048</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	20.000.000.000	2.620.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.620.000.000</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ban QLDA đường Hồ Chí Minh - công trình cầu Hòa Trung	136.863.567.000	136.863.567.000
Liên danh công ty GS - công ty Hanshin - cầu Vàm Cống	73.520.160.836	77.376.369.446
Ban quản lý dự án 2: Gói thầu PK1C/Quốc lộ 3	68.734.347.853	68.734.347.853
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Q.P - công trình sân bay Cam Ranh	100.745.398.328	112.745.398.328
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	43.635.174.145	42.973.237.369
Công ty Cổ phần BOT cầu Bạch Đằng	44.473.961.106	47.478.243.535
Các khách hàng khác	544.587.877.375	659.738.593.106
<b>Cộng</b>	<b>1.012.560.486.643</b>	<b>1.145.909.756.637</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Phát triển đầu tư Thái Sơn - Bộ Q.P	51.471.146.906	53.055.348.010
Đối tượng khác	215.964.031.491	253.408.971.982
<b>Cộng</b>	<b>267.435.178.397</b>	<b>306.464.319.992</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. Phải thu khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	132.706.828.581	141.819.230.930
Phải thu lãi cho vay, lãi hoạt động đầu tư	59.602.642.590	15.060.410.959
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	37.500.579	37.500.579
Phải thu về cổ phần hóa	3.073.620.201	4.807.075.831
Phải thu người lao động	6.561.095.184	9.885.097.283
Phải thu khác	199.960.872.436	153.097.129.133
<b>Cộng</b>	<b>401.942.559.571</b>	<b>324.706.444.715</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Cầm cố ký quỹ ký cược dài hạn	961.504.121	8.000.000
Công ty CP BOT cầu Bạch Đằng	30.026.660.410	28.615.384.033
<b>Cộng</b>	<b>30.988.164.531</b>	<b>28.623.384.033</b>

**6. Chi phí trả trước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.483.494.264	3.776.316.371
<b>Cộng</b>	<b>2.483.494.264</b>	<b>3.776.316.371</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.361.770.074	28.047.214.447
Các khoản khác	4.556.659.971	4.298.901.060
<b>Cộng</b>	<b>22.918.430.045</b>	<b>32.346.115.507</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.164.150.089	-	9.040.928.944	(798.762.739)
Công cụ, dụng cụ	187.818.378	-	506.680.546	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	559.413.943.974	-	590.097.248.914	-
Thành phẩm nhập kho	218.480.756	-	2.088.844.909	-
Hàng hoá	2.970.100.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>566.954.493.197</b>	<b>-</b>	<b>601.733.703.313</b>	<b>(798.762.739)</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. Đầu tư vào Công ty liên kết**

	Số cuối năm				Số đầu năm							
	Tỷ lệ sở hữu (%)		Giá gốc		Tỷ lệ sở hữu (%)		Giá gốc		Chênh lệch			
	VND	VND (%)	VND	VND	VND	VND (%)	VND	VND	VND	VND		
Công ty liên doanh, liên kết												
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XDCT 1	56,93%	56,93%	2.860.727.287	38.756.543.000	56,93%	56,93%	2.860.727.287	76.413.069.985	62.542.235			
Công ty CP XD Giao thông và TM 124	48,00%	48,00%	7.200.000.000	-	48,00%	48,00%	7.200.000.000	-	(7.200.000.000)			
Công ty CP Đầu tư và XDCT 126 - Ciencco1	46,00%	48,00%	6.214.309.449	5.937.759.801	48,00%	48,00%	6.214.309.449	5.937.759.801	(276.549.648)			(276.549.648)
Công ty CP XDCT 15 - Ciencco 1	45,00%	45,00%	4.500.000.000	-	45,00%	45,00%	4.500.000.000	-	(4.500.000.000)			(4.500.000.000)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng - Ciencco1 (CIC)	33,57%	33,57%	2.350.000.000	-	33,57%	33,57%	2.350.000.000	-	(2.350.000.000)			(2.280.489.789)
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	26,00%	26,00%	49.400.000.000	28.223.431.425	26,00%	26,00%	49.400.000.000	19.413.913.139	(29.986.086.861)			(29.986.086.861)
Công ty CP SXVL và XDCT 119 - Ciencco1	25,40%	25,40%	586.812.929	-	25,40%	25,40%	586.812.929	-	(586.812.929)			(586.812.929)
Công ty CP PT ĐT và XD 115 - Ciencco1	21,05%	21,05%	1.263.234.000	744.919.978	21,05%	21,05%	1.263.234.000	744.919.978	(518.314.022)			(518.314.022)
Công ty CP BOT cầu Việt Trì	22,81%	22,81%	48.532.400.000	-	22,81%	22,81%	48.532.400.000	-	(48.532.400.000)			(48.532.400.000)
Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC	32,96%	32,96%	2.571.000.000	-	32,96%	32,96%	2.571.000.000	-	(2.571.000.000)			(23.592.582.474)
Công ty CP SXVL và XD công trình 1	32,96%	32,96%	2.571.000.000	916.279.808	32,96%	32,96%	2.571.000.000	916.279.808	(1.654.720.192)			(1.654.720.192)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>			<b>341.575.865.946</b>	-			<b>271.575.865.946</b>	-				-
Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC	18,58%	18,58%	70.000.000.000	-			-	-	-			-
Công ty CP Cầu 12	19,60%	19,60%	11.175.375.096	-	19,60%	19,60%	11.175.375.096	-	-			-
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	18,00%	18,00%	148.172.580.000	-	18,00%	18,00%	148.172.580.000	-	-			-
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hóa	15,40%	15,40%	21.050.000.000	-	15,40%	15,40%	21.050.000.000	-	-			-
Công ty CP BOT cầu Bạch Đằng	10,00%	10,00%	85.500.000.000	-	10,00%	10,00%	85.500.000.000	-	-			-
Công ty CP ĐT và XD Hạ tầng Anphanam	3,30%	3,30%	4.025.905.831	-	3,30%	3,30%	4.025.905.831	-	-			-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và XD Việt Nam	16,23%	16,23%	1.622.005.019	-	16,23%	16,23%	1.622.005.019	-	-			-
Công ty CP Bảo hiểm Thăng Long			10.000.000	-			10.000.000	-	-			-
Công ty CP Giao thông Vận tải Việt Nam			20.000.000	-			20.000.000	-	-			-
<b>Tổng</b>			<b>467.054.349.611</b>	<b>38.756.543.000</b>			<b>467.054.349.611</b>	<b>76.413.069.985</b>	<b>(119.065.413.680)</b>			<b>(119.065.413.680)</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 623 La Thành, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	111.856.207.471	197.141.121.846	45.680.193.992	4.305.682.752	1.943.360.660	360.926.566.721
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý tài sản cố định	-	(16.281.856.590)	(3.481.136.300)	-	(39.727.272)	(19.802.720.162)
Giảm khác	-	(30.000.000)	-	-	-	(30.000.000)
Phân loại lại	-	(35.154.545)	-	35.154.545	-	-
Số dư cuối năm	111.856.207.471	180.794.110.711	42.199.057.692	4.340.837.297	1.903.633.388	341.093.846.559
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	70.011.486.507	171.085.779.803	41.539.864.425	4.095.963.933	1.932.843.981	288.665.938.649
Khấu hao trong năm	2.441.577.499	4.310.492.883	1.776.133.632	66.763.186	2.588.648	8.597.555.848
Thanh lý tài sản cố định	-	(14.914.599.788)	(2.926.273.043)	-	(39.727.272)	(17.880.600.103)
Giảm khác	-	(81.110.605)	-	-	-	(81.110.605)
Số dư cuối năm	72.453.064.006	160.400.562.293	40.389.725.014	4.162.727.119	1.895.705.357	279.301.783.789
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	41.844.720.964	26.055.342.043	4.140.329.567	209.718.819	10.516.679	72.260.628.072
Tại ngày cuối năm	39.403.143.465	20.393.548.418	1.809.332.678	178.110.178	7.928.031	61.792.062.770

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đúng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 38.077.968.391 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 146.918.635.264 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	8.490.060.762	70.000.000	8.560.060.762
Tăng khác	1.419.967.700	-	1.419.967.700
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.910.028.462</b>	<b>70.000.000</b>	<b>9.980.028.462</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	1.207.247.946	70.000.000	1.277.247.946
Khấu hao trong năm	179.993.860	-	179.993.860
Tăng khác	282.251.613	-	282.251.613
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.669.493.419</b>	<b>70.000.000</b>	<b>1.739.493.419</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	7.282.812.816	-	7.282.812.816
Tại ngày cuối năm	8.240.535.043	-	8.240.535.043

**11. Phải trả khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	3.452.658.370	3.126.082.391
Các khoản bảo hiểm xã hội, y tế	63.703.936.042	52.959.978.417
Cổ tức lợi nhuận phải trả	29.208.195.200	29.208.195.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.730.936.091	42.960.955.328
<b>Cộng</b>	<b>165.095.725.703</b>	<b>128.255.211.336</b>
<b>b. Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.974.699.706	3.038.353.582
<b>Cộng</b>	<b>2.974.699.706</b>	<b>3.038.353.582</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 623 La Thành, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	28.315.984.384	28.315.984.384	37.916.720.434	37.916.720.434
Công ty CP HASSYU Việt Nam	38.846.215.045	38.846.215.045	57.636.513.841	57.636.513.841
Công ty TNHH Một thành viên 17	36.520.945.626	36.520.945.626	40.920.726.055	40.920.726.055
Tổng công ty XDCT Giao thông 8	11.559.810.277	11.559.810.277	10.553.520.325	10.553.520.325
Khách hàng khác	1.305.825.221.697	1.305.825.221.697	1.274.994.452.066	1.274.994.452.066
<b>Cộng</b>	<b>1.421.068.177.029</b>	<b>1.421.068.177.029</b>	<b>1.422.021.932.721</b>	<b>1.422.021.932.721</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ban Quản lý Công trình Xây dựng Phát triển đô thị - cầu Hoàng Văn Thụ	-	107.230.222.250		
CÔNG ty TNHH MTV Đầu tư BOT TP Hồ Chí Minh - Trung Lương	48.000.000.000	48.000.000.000		
PMU Ban QLDA Tuyến Quang - cầu Tinh Húc	4.432.452.700	30.678.116.999		
Ban QLDA Xây dựng giao thông Bắc Ninh - cầu Phật Tích	32.433.215.847	67.556.000.000		
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình giao thông Đà Nẵng - QL 14B	153.663.276.494	159.388.000.000		
PMU đường sắt - Gói thầu CP1A	-	79.536.738.160		
Các đối tượng khác	66.515.690.596	69.179.830.875		
<b>Cộng</b>	<b>305.044.635.637</b>	<b>561.568.908.284</b>		

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 623 Lê Thành, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước****a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	951.475.820	4.478.874.999	-	5.430.350.819
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	147.065.363	-	147.065.363	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	977.067.729		64.003.360	913.064.369
<b>Cộng</b>	<b>2.075.608.912</b>	<b>4.478.874.999</b>	<b>211.068.723</b>	<b>6.343.415.188</b>

**b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng	119.432.454.242	85.432.006.548	83.006.579.608	117.007.027.302
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.600.908.976	7.364.394.598	3.035.024.322	30.271.538.700
Thuế thu nhập cá nhân	2.665.160.965	819.104.405	1.513.991.268	3.360.047.828
Các loại thuế khác	14.177.130.691	2.939.002.129	3.690.306.260	14.928.434.822
<b>Cộng</b>	<b>170.875.654.874</b>	<b>96.554.507.680</b>	<b>91.245.901.458</b>	<b>165.567.048.652</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 623 La Thành, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà NộiMẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Thay đổi trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>173.791.939.289</b>	<b>173.791.939.289</b>	<b>149.060.963.779</b>	<b>173.510.212.536</b>	<b>198.241.188.046</b>	<b>198.241.188.046</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Gia Lâm (i)	15.616.094.617	15.616.094.617	9.454.105.522	9.495.865.153	15.657.854.248	15.657.854.248
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	-	-	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	47.890.988.991	47.890.988.991	54.127.585.920	6.757.360.658	6.757.360.658	6.757.360.658
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (ii)	12.745.735.495	12.745.735.495	16.755.042.663	15.414.388.095	101.604.672.571	101.604.672.571
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Đô (iii)	83.125.440.054	83.125.440.054	57.401.028.009	30.703.329.130	11.405.080.927	11.405.080.927
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	5.284.590.665	5.284.590.665	-	-	56.427.741.175	56.427.741.175
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (v)	9.129.089.467	9.129.089.467	5.284.590.665	-	-	-
Vay cá nhân	51.131.057.888	51.131.057.888	6.038.611.000	948.000.000	4.038.478.467	4.038.478.467
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.16)</b>	<b>224.922.997.177</b>	<b>224.922.997.177</b>	<b>224.922.997.177</b>	<b>224.922.997.177</b>	<b>198.241.188.046</b>	<b>198.241.188.046</b>
<b>Tổng</b>	<b>224.922.997.177</b>	<b>224.922.997.177</b>	<b>224.922.997.177</b>	<b>224.922.997.177</b>	<b>198.241.188.046</b>	<b>198.241.188.046</b>

(i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201801464 ngày 12 tháng 09 năm 2018, hạn mức cấp tín dụng là 33.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. xin cấp các loại bảo lãnh thực hiện phương án sản xuất kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là máy thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 0117/HDDYC-12 IMM ký ngày 28 tháng 06 năm 2017.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 179/2018/HBTD/HTH/01 ký ngày 11 tháng 06 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 05 tháng 07 năm 2019 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Hạn mức tín dụng là 683.229.000.000 đồng bao gồm hạn mức cho vay và hạn mức bảo lãnh. Thời hạn vay đến ngày 11 tháng 12 năm 2019 và tùy thuộc khả năng đáp ứng của mỗi bên, hai bên có thể thỏa thuận việc cấp HMTD mới. Lãi suất được quy định tại từng khế ước nhân nợ. Tài sản đảm bảo là Quyền đòi nợ từ các hợp đồng số 15/2017/HĐ-XL ký ngày 01 tháng 10 năm 2017, số 67/2018/HĐXD-BCTGT ký ngày 07 tháng 09 năm 2018, tài sản gắn liền với đất tại 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, tài sản gắn liền với đất là tòa nhà văn phòng của Tổng Công ty tại xã Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội. Lãi thế cho thuê tăng 1 tòa nhà K1 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, phường Thành Công,  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

- (iii) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/93409/HĐTD ngày 8 tháng 10 năm 2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô, Hạn mức tín dụng 1.900.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở thư tín dụng. Thời hạn vay đến ngày 31 tháng 03 năm 2020 theo Phụ lục hợp đồng số 01/2019/93409/PLHĐ ngày 29 tháng 08 năm 2019. Lãi suất được quy định theo từng kỳ ước nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/93409/HĐTD ngày 08 tháng 10 năm 2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội. Hạn mức tín dụng : 200.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng kỳ ước nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Khoản vay theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/2018/HĐVV-RACHMIEU-CC123 ngày 23 tháng 11 năm 2018 và phụ lục số 01 ngày 07 tháng 03 năm 2019, tổng số tiền vay tối đa là 5 tỷ đồng, lãi suất 9,22%/năm, khoản vay có thời hạn đến ngày Công ty TNHH BOT Rạch Miễu thanh toán cho nhà thầu thi công gói XL03 của đợt kế tiếp sau ngày giải ngân vốn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



**TÓNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 623 La Thành, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN/HN**Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Thay đổi trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Quân Đội (i)	989.595.814	989.595.814	-	1.823.813.431	2.813.409.245	2.813.409.245
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	186.190.368	186.190.368	-	-	186.190.368	186.190.368
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Đồng Đô (ii)	49.699.217.141	49.699.217.141		10.048.692.782	59.747.909.923	59.747.909.923
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương	-	-		3.276.201.583	3.276.201.583	3.276.201.583
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Đô (iii)	1.215.568.610	1.215.568.610		553.411.120	1.768.979.730	1.768.979.730
<b>Cộng</b>	<b>52.090.571.933</b>	<b>52.090.571.933</b>	<b>-</b>	<b>15.702.118.916</b>	<b>67.792.690.849</b>	<b>67.792.690.849</b>
<b>Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>51.131.057.888</b>	<b>51.131.057.888</b>				
Ngân hàng TMCP Quân đội	989.595.814	989.595.814				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Đồng Đô	49.699.217.141	49.699.217.141				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	442.244.933	442.244.933				
<b>Cộng các khoản vay dài hạn</b>	<b>959.514.045</b>	<b>959.514.045</b>			<b>67.792.690.849</b>	<b>67.792.690.849</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng số 597.14.057.877888.TD ngày 26 tháng 06 năm 2014, Hạn mức cho vay 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2014. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ tại từng thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc, thiết bị mua mới.

Hợp đồng số 808.14.057.877888.TD ngày 22 tháng 08 năm 2014. Hạn mức cho vay 1.300.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2014. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ tại từng thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc, thiết bị mua mới.

Hợp đồng số 969.14.057.877888.TD ngày 26 tháng 09 năm 2014. Hạn mức cho vay 1.113.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2014. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ tại từng thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 máy lu rung nhãn hiệu HAMMM, model 3410 do Đức sản xuất, giá trị 1.590.000.000 đồng.

Hợp đồng số 1015.14.057.877888.TD ngày 08 tháng 10 năm 2014. Hạn mức cho vay 1.330.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2014. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ tại từng thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 lu rung, 1 bánh sắt, 2 bánh lốp, 2 cầu chủ động nhãn hiệu SAKAI, model SV 620D do Nhật Bản sản xuất, giá trị 1.900.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 12215/360/TDTH ngày 09 tháng 10 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô. Hạn mức cho vay 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay: tài trợ vốn và phát hành bảo lãnh để thực hiện gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung" thuộc dự án "Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, tỉnh Cà Mau". Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: quyền đòi nợ phát sinh theo hợp đồng số 175/2015/HĐTC ký ngày 3 tháng 8 năm 2015 gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung" thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, tỉnh Cà Mau giữa ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh với Liên danh Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 và Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/93409/HĐTD ký ngày 25 tháng 06 năm 2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô. Số tiền vay: 1.770.915.580 đồng. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định là bỏ xe đúc để nâng cao năng lực thi công của Tổng Công ty. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định theo thông báo của ngân hàng 6 tháng/lần. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ vốn vay.



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 523 La Thành, phường Thới Bình,  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND		
Số dư đầu năm trước	700.000.000.000	100.519.210	21.928.887.793	12.626.144.933	6.747.922.970	741.403.474.906		
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.418.506.313	51.920.666	3.470.426.979		
Tăng/giảm khác do hợp nhất	-	-	-	7.131.307	-	7.131.307		
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	100.519.210	21.928.887.793	16.051.782.553	6.799.843.636	744.881.033.192		
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	13.354.009.516	(887.959.421)	12.466.050.095		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(631.307.246)	-	(631.307.246)		
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	1.262.614.493	(1.262.614.493)	-	-		
Tăng do chuyển từ Công ty liên kết sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	23.592.582.474	-	23.592.582.474		
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>100.519.210</b>	<b>23.191.502.286</b>	<b>51.104.452.804</b>	<b>5.911.884.215</b>	<b>780.308.358.515</b>		

(i) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 659/NQ-DHCD ngày 18 tháng 07 năm 2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần An Hiền	172.135.520.000	172.135.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	117.676.940.000	117.676.940.000
Công ty Cổ phần Thương mại nước giải khát Khánh An	134.477.000.000	134.477.000.000
Công ty TNHH SX Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	200.035.340.000	200.035.340.000
Cổ đông khác	75.675.200.000	75.675.200.000
<b>Cộng</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>

**b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	543.606.788.514	1.336.642.279.559
Doanh thu hợp đồng xây dựng	526.670.294.370	1.316.333.320.257
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.835.566.748	7.558.412.994
Doanh thu khác	11.100.927.396	12.750.546.308
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>543.606.788.514</b>	<b>1.336.642.279.559</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn xây lắp	507.190.953.569	1.233.289.513.140
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.767.520.965	2.592.900.560
Giá vốn khác	11.899.690.134	11.177.381.013
<b>Cộng</b>	<b>522.858.164.668</b>	<b>1.247.059.794.713</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.026.284.572	24.391.962.661
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.220.245.000
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	15.203.175.224
Chênh lệch tỷ giá	92.186.886	877.292.563
Doanh thu hoạt động tài chính khác	303.311.840	6.480.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.421.783.298</b>	<b>48.172.675.448</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	15.450.139.272	12.683.445.287
Lỗ chênh lệch tỷ giá	765.297	399.627.609
Chi phí tài chính khác	1.117.973.623	2.262.454
<b>Cộng</b>	<b>16.568.878.192</b>	<b>13.085.335.350</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	37.044.856.557	49.375.620.613
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.013.335.974	2.541.970.124
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.841.536.997	6.275.507.164
Thuế và lệ phí	1.002.670.593	616.252.656
Chi phí dự phòng	(10.785.218.232)	986.376.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.528.900.562	20.749.987.465
Chi phí khác bằng tiền	9.238.928.479	5.987.392.026
<b>Cộng</b>	<b>44.885.010.930</b>	<b>86.533.106.316</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	5.127.592.302
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	12.090.645.739
Thanh lý vật tư thi công	10.049.132.335	-
Các khoản khác	11.960.041.025	32.559.182.798
<b>Cộng</b>	<b>22.009.173.360</b>	<b>49.777.420.839</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	5.240.196.993	5.404.283.488
Thanh lý tài sản cố định	9.124.229.611	-
Các khoản chi khác	4.281.710.626	18.829.484.657
<b>Cộng</b>	<b>18.646.137.230</b>	<b>24.233.768.145</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Tổng công ty XD Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	7.320.577.861	11.840.778.614
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121	43.816.737	731.291.309
<b>Cộng</b>	<b>7.364.394.598</b>	<b>12.572.067.923</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>13.354.009.516</b>	<b>3.418.506.313</b>
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(631.307.246)	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>12.722.702.270</b>	<b>3.418.506.313</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	182	49
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phần)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động gồm bộ phận hoạt động xây lắp, bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận khác. Tuy nhiên, doanh thu, giá vốn của bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận khác chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu và giá vốn của Tổng Công ty (chi tiết trình bày tại thuyết minh VI.1 và VI.2). Do đó Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ lương và các khoản khác	2.945.600.000	3.190.703.831
<b>Cộng</b>	<b>2.945.600.000</b>	<b>3.190.703.831</b>

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Bích Hạnh  
Người lập biểu



Trần Huy Phương  
Kế toán trưởng



Đào Việt Tiên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 04 năm 2020